TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Bùi Văn N, sinh năm 1981. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có nội dung như sau:**

Bà và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L. Quá trình chung sống, bà và ông N thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi nhau, ông N thường xuyên nhậu nhẹt về nhà nói xúc phạm đến bà và mẹ bà, bà T đã cho ông N nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng vẫn vậy. Năm 2022 bà T có làm đơn xin ly hôn, ông N hứa sửa

đổi nên bà đã rút đơn. Thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông N vẫn nhậu nhẹt về nhà dùng những lời lẽ nói xúc phạm đến bà và chửi mẹ bà. Chi phí nuôi con cái một mình bà lo, ông N có cho các con tiền nhưng bà không biết là bao nhiêu. Bà T đã suy nghĩ kỹ việc ly hôn nên quyết định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N, vì tình cảm vợ chồng cũng không còn và hiện nay đã không còn sống chung từ sau Tết năm 2023 đến nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn N.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung: Bùi Văn V (Giới tính: Nam), sinh ngày 29.9.2007; Bùi Thị Quỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27.12.2009; Bùi Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 19.6.2016; Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

*** Bị đơn: Ông Bùi Văn N trình bày:**

Ông N thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn với bà T, về con chung theo bà T trình bày. Trong cuộc sống chung giữa ông và bà T sống có xảy ra mâu thuẫn, ông N thừa nhận có khuyết điểm là do ông hay nhậu nhẹt về nhà nói với vợ không đúng, nhưng bà T cứ xưng hô với ông là mày tao, ngày hôm sau ông tỉnh dậy thì có năn nỉ, xin lỗi vợ nhưng bà T không chịu, ông có nhờ cha mẹ hòa giải nhưng bà T vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Ông N đi làm biển, ông có đưa tiền cho bà T nuôi con nhưng do bà T giận ông nên không lấy tiền, ông có đưa cho đứa con trai lớn và bà T từ sau Tết đến nay 02 lần là 20.000.000 đồng. Ông N vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà T. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì về con chung ông N đồng ý giao cho bà T nuôi 03 con chung. Tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N: Bà T và ông N là vợ chồng, sinh sống tại thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L. Quá trình chung sống bà T và ông N có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông N; Về con chung: Giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Bùi Văn V, sinh ngày 29.9.2007; Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 27.12.2009; Bùi Văn P, sinh ngày 19.6.2016; Về cấp dưỡng: Bà T không

yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu; Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Bùi Văn N hiện sinh sống và đăng ký thường trú tại thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185, ngày 26/12/2006, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần hòa giải nhưng bà T vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông N vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Bùi Văn N thừa nhận giữa ông và bà T sống chung có xảy ra mâu thuẫn, ông N thừa nhận có khuyết điểm là do ông hay nhậu nhẹt về nhà nói với vợ không đúng, nhưng bà T cứ xưng hô với ông là mày tao, ngày hôm sau ông tỉnh dậy thì có năn nỉ, xin lỗi vợ nhưng bà T không chịu, ông có nhờ cha mẹ hòa giải nhưng bà T vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Ông N đi làm biển, ông có đưa tiền cho bà T nuôi con nhưng do bà T giận ông nên không lấy tiền, ông có đưa cho đứa con trai lớn và bà T từ sau Tết đến nay 02 lần là 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T khai thì bà đã cho ông N nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông không khắc phục. Năm 2022 bà T có làm đơn xin ly hôn, ông N hứa sửa đổi nên bà đã rút đơn. Thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông N vẫn nhậu nhẹt về nhà dùng những lời lẽ nói xúc phạm đến bà và chửi mẹ bà. Chi phí nuôi con cái một mình bà lo, ông N có cho các con tiền nhưng bà không biết là bao nhiêu. Bà T đã suy nghĩ kỹ việc ly hôn nên quyết định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N, vì tình cảm vợ chồng cũng không còn và hiện nay đã không còn sống chung từ sau Tết năm 2023 đến nay. Căn cứ kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N thì: Quá trình chung sống bà T và ông N có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T yêu cầu được nuôi 03 con chung, lời khai của các cháu đều xin được ở với mẹ. Xét thấy: Để đảm

bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của các cháu đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Hơn nữa, theo lời khai của ông N thì trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì về con chung ông N đồng ý giao cho bà T nuôi 03 con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Bùi Văn V (Giới tính: Nam), sinh ngày 29.9.2007; Bùi Thị Quỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27.12.2009; Bùi Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 19.6.2016 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử đã giải thích cho các đương sự hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng bà T không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

3.4. **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà T và ông N không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn"

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Bùi Văn N.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung: Bùi Văn V (Giới tính: Nam), sinh ngày 29.9.2007; Bùi Thị Quỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27.12.2009; Bùi Văn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 19.6.2016;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016646 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2023).

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND xã T. P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)